

\*

**LỊCH GIẢNG DẠY, HỌC TẬP KỲ I NĂM HỌC (2026-2027) CÁC LỚP VỪA LÀM VỪA HỌC**  
(Điều chỉnh)

| TT                                                    | Mã học phần | Lớp - Học phần                                     | Tín chỉ | Số tiết       | Khoa GD | Thời gian học                         | Thứ            | Tiết              | Phòng học        | Ghi chú               |
|-------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------|---------|---------------|---------|---------------------------------------|----------------|-------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1. Báo mạng điện tử K43 (2023-2028)</b>            |             |                                                    |         |               |         |                                       |                |                   |                  |                       |
| 1                                                     | PT03873     | Chương trình tương tác trên báo MĐT                | 3       | 60<br>11.25   | VBC-TT  | 3/8 - 18/8/2026<br>10/8 - 12/8/2026   | 2 - 6<br>2 - 6 | 1 - 5<br>11 - 15  | A2.102           | Tự học                |
| 2                                                     | PT03874     | Thiết kế và quản trị báo mạng điện tử              | 3       | 53<br>23      | VBC-TT  | 19/8 - 7/9/2026<br>24/8 - 28/8/2026   | 2 - 6<br>2 - 6 | 1 - 5<br>11 - 15  | A2.102           | Trừ nghỉ lễ<br>Tự học |
| 3                                                     | PT03855     | Báo chí di động                                    | 3       | 67.5<br>11.25 | VBC-TT  | 8/9 - 25/9/2026<br>14/9 - 16/9/2026   | 2 - 6<br>2 - 6 | 1 - 5<br>11 - 15  | A2.102           | Tự học                |
| 4                                                     | PT03876     | Báo chí dữ liệu                                    | 3       | 53<br>23      | VBC-TT  | 28/9 - 12/10/2026<br>5/10 - 9/10/2026 | 2 - 6<br>2 - 6 | 1 - 5<br>11 - 15  | A2.102           | Tự học                |
| 5                                                     | PT03879     | Thực tập tốt nghiệp (năm tư)                       | 4       | 8 tuần        | VBC-TT  | 12/10 - 12/12/2026                    | 2 - 6          | 1 - 10            | Thực địa         |                       |
| <b>2. Truyền thông đa phương tiện K43 (2023-2028)</b> |             |                                                    |         |               |         |                                       |                |                   |                  |                       |
| 1                                                     | PT03706     | Phim ngắn                                          | 3       | 67.5<br>11.25 | VBC-TT  | 3/8 - 20/8/2026<br>1/8 - 2/8/2026     | 2 - 6<br>2 - 6 | 6 - 10<br>11 - 15 | A2.102<br>A2.102 | Tự học                |
| 2                                                     | BC02609     | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện | 5       | 90<br>45      | VBC-TT  | 21/8 - 18/9/2026<br>7/9 - 17/9/2026   | 2 - 6<br>2 - 6 | 6 - 10<br>11 - 15 | A2.102<br>A2.102 | Trừ nghỉ lễ<br>Tự học |
| 3                                                     | BC02611     | Quản trị-kinh doanh sản phẩm truyền thông số       | 3       | 52.5<br>22.5  | VBC-TT  | 18/9 - 2/10/2026<br>21/9 - 25/9/2026  | 2 - 6<br>2 - 6 | 6 - 10<br>11 - 15 | A2.102<br>A2.102 | Tự học                |
| 4                                                     | BC03644     | Thực tập tốt nghiệp (năm tư)                       | 4       | 8 tuần        | VBC-TT  | 2/10 - 2/12/2026                      | 2 - 6          | 1 - 10            | Thực địa         |                       |
|                                                       |             |                                                    |         |               |         |                                       |                |                   |                  |                       |

| TT                                             | Mã học phần | Lớp - Học phần                                     | Tín<br>chỉ | Số tiết | Khoa GD | Thời gian học      | Thứ   | Tiết    | Phòng<br>học | Ghi chú |
|------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------|------------|---------|---------|--------------------|-------|---------|--------------|---------|
| 3. Truyền thông đa phương tiện K44 (2024-2029) |             |                                                    |            |         |         |                    |       |         |              |         |
| 1                                              | LS01002     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                     | 2          | 30      | LSD     | 31/7 - 7/8/2026    | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 11.25   |         | 1/8 - 2/8/2026     | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                                |             |                                                    |            |         |         | 3/8 - 5/8/2026     | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 2                                              | TH01001     | Tư tưởng Hồ Chí Minh                               | 2          | 30      | TTHCM   | 8/8 - 15/8/2026    | 7, CN | 1 - 10  | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 11.25   |         | 10/8 - 12/8/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              | Tự học  |
| 3                                              | CT01001     | Chính trị học đại cương                            | 2          | 31.5    | CTH     | 14/8 - 21/8/2026   | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 9       |         | 16/8 - 22/8/2026   | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                                |             |                                                    |            |         |         | 17/8 - 18/8/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 2                                              | XD01001     | Xây dựng Đảng                                      | 2          | 30      | XDĐ     | 23/8 - 6/9/2026    | 7, CN | 1 - 10  | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 11.25   |         | 24/8 - 26/8/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              | Tự học  |
| 3                                              | TG01004     | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn | 2          | 30      | KTĐC    | 4/9 - 11/9/2026    | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 11.25   |         | 12/9 - 13/9/2026   | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                                |             |                                                    |            |         |         | 7/9 - 9/9/2026     | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 4                                              | PT02501     | Các loại hình báo chí - truyền thông               | 2          | 30      | VBC-TT  | 18/9 - 25/9/2026   | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 11.25   |         | 19/9 - 20/9/2026   | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                                |             |                                                    |            |         |         | 14/9 - 16/9/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 5                                              | BC04872     | Báo chí – truyền thông dữ liệu                     | 3          | 67.5    | VBC-TT  | 2/10 - 9/10/2026   | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 11.25   |         | 26/9 - 11/10/2026  | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                                |             |                                                    |            |         |         | 5/10 - 7/10/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 6                                              | PT02610     | Sản xuất Podcast                                   | 3          | 67.5    | VBC-TT  | 16/10 - 30/10/2026 | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                                |             |                                                    |            | 11.25   |         | 17/10 - 31/10/2026 | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                                |             |                                                    |            |         |         | 12/10 - 14/10/2026 | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 7                                              | PT03138     | Thực tập nghiệp vụ (năm 3)                         | 3          | 4 tuần  | VBC-TT  | 2/11 - 30/11/2026  | 2 - 6 | 1 - 10  | Thực địa     |         |

| TT                                  | Mã học phần | Lớp - Học phần                                     | Tín<br>chỉ | Số tiết | Khoa GD | Thời gian học      | Thứ   | Tiết    | Phòng<br>học | Ghi chú |
|-------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------|------------|---------|---------|--------------------|-------|---------|--------------|---------|
| 4. Báo mạng điện tử K44 (2024-2029) |             |                                                    |            |         |         |                    |       |         |              |         |
| 1                                   | LS01002     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                     | 2          | 30      | LSD     | 31/7 - 7/8/2026    | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 11.25   |         | 1/8 - 2/8/2026     | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                     |             |                                                    |            |         |         | 3/8 - 5/8/2026     | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 2                                   | TH01001     | Tư tưởng Hồ Chí Minh                               | 2          | 30      | TTHCM   | 8/8 - 15/8/2026    | 7, CN | 1 - 10  | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 11.25   |         | 10/8 - 12/8/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              | Tự học  |
| 3                                   | CT01001     | Chính trị học đại cương                            | 2          | 31.5    | CTH     | 14/8 - 21/8/2026   | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 9       |         | 16/8 - 22/8/2026   | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                     |             |                                                    |            |         |         | 17/8 - 18/8/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 2                                   | XD01001     | Xây dựng Đảng                                      | 2          | 30      | XDĐ     | 23/8 - 6/9/2026    | 7, CN | 1 - 10  | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 11.25   |         | 24/8 - 26/8/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              | Tự học  |
| 3                                   | TG01004     | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn | 2          | 30      | KTĐC    | 4/9 - 11/9/2026    | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 11.25   |         | 12/9 - 13/9/2026   | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                     |             |                                                    |            |         |         | 7/9 - 9/9/2026     | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 4                                   | PT02501     | Các loại hình báo chí - truyền thông               | 2          | 30      | VBC-TT  | 18/9 - 25/9/2026   | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 11.25   |         | 19/9 - 20/9/2026   | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                     |             |                                                    |            |         |         | 14/9 - 16/9/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 5                                   | BC04872     | Báo chí – truyền thông dữ liệu                     | 3          | 67.5    | VBC-TT  | 2/10 - 9/10/2026   | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 11.25   |         | 26/9 - 11/10/2026  | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                     |             |                                                    |            |         |         | 5/10 - 7/10/2026   | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 6                                   | PT02610     | Sản xuất Podcast                                   | 3          | 67.5    | VBC-TT  | 16/10 - 30/10/2026 | thứ 6 | 11 - 15 | A2.101       | Ghép    |
|                                     |             |                                                    |            | 11.25   |         | 17/10 - 31/10/2026 | 7, CN | 1 - 10  |              | Tự học  |
|                                     |             |                                                    |            |         |         | 12/10 - 14/10/2026 | 2 - 6 | 1 - 5   |              |         |
| 7                                   | PT03138     | Thực tập nghiệp vụ (năm 3)                         | 3          | 4 tuần  | VBC-TT  | 2/11 - 30/11/2026  | 2 - 6 | 1 - 10  | Thực địa     |         |

| TT                                                            | Mã học phần | Lớp - Học phần                                                | Tín<br>chỉ | Số tiết       | Khoa GD | Thời gian học                             | Thứ            | Tiết              | Phòng<br>học | Ghi chú            |
|---------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------|------------|---------------|---------|-------------------------------------------|----------------|-------------------|--------------|--------------------|
| <b>5. Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước K45B (12 SV)</b>  |             |                                                               |            |               |         |                                           |                |                   |              |                    |
| 1                                                             | XD02407     | Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu                 | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 1/8 - S.16/8/2026<br>3/8 - 5/8/2026       | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 2                                                             | XD03347     | Công tác văn phòng                                            | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.16/8 - 12/9/2026<br>7/9 - 9/9/2026      | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 3                                                             | XD03350     | Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị                         | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 13/9 - S.3/10/2026<br>21/9 - 23/9/2026    | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 4                                                             | XD02413     | Giao tiếp trong thực thi công vụ                              | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.3/10 - 18/10/2026<br>12/10 - 14/10/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 5                                                             | XD02408     | Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 24/10 - S.8/11/2026<br>2/11 - 4/11/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15 | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 6                                                             | XD03353     | Nghiệp vụ công tác đảng viên                                  | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.8/11 - 28/11/2026<br>16/11 - 18/11/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 7                                                             | XD03346     | Xử lý tình huống trong xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước  | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 29/11 - 19/12/2026<br>7/12 - 10/12/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Tự học             |
| <b>6. Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước K45B2 - (9SV)</b> |             |                                                               |            |               |         |                                           |                |                   |              |                    |
| 1                                                             | XD02407     | Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu                 | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 1/8 - S.16/8/2026<br>3/8 - 5/8/2026       | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 2                                                             | XD03347     | Công tác văn phòng                                            | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.16/8 - 12/9/2026<br>7/9 - 9/9/2026      | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 3                                                             | XD03350     | Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị                         | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 13/9 - S.3/10/2026<br>21/9 - 23/9/2026    | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |
| 4                                                             | XD02413     | Giao tiếp trong thực thi công vụ                              | 3          | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.3/10 - 18/10/2026<br>12/10 - 14/10/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401       | Học ghép<br>Tự học |

| TT                                                            | Mã học phần | Lớp - Học phần                                                 | Tín chỉ | Số tiết       | Khoa GD | Thời gian học                             | Thứ            | Tiết              | Phòng học | Ghi chú            |
|---------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------|---------|---------------|---------|-------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------|--------------------|
| 5                                                             | XD02408     | Nghị quyết công tác tổ chức, cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 24/10 - S.8/11/2026<br>2/11 - 4/11/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15 | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 6                                                             | XD03353     | Nghị quyết công tác đảng viên                                  | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.8/11 - 28/11/2026<br>16/11 - 18/11/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 7                                                             | XD03346     | Xử lý tình huống trong xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước   | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 29/11 - 19/12/2026<br>7/12 - 10/12/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Tự học             |
| <b>7. Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước K46B - (7 SV)</b> |             |                                                                |         |               |         |                                           |                |                   |           |                    |
| 1                                                             | XD02407     | Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu                  | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 1/8 - S.16/8/2026<br>3/8 - 5/8/2026       | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 2                                                             | XD03347     | Công tác văn phòng                                             | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.16/8 - 12/9/2026<br>7/9 - 9/9/2026      | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 3                                                             | XD03350     | Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị                          | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 13/9 - S.3/10/2026<br>21/9 - 23/9/2026    | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 4                                                             | XD02413     | Giao tiếp trong thực thi công vụ                               | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.3/10 - 18/10/2026<br>12/10 - 14/10/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 5                                                             | XD02408     | Nghị quyết công tác tổ chức, cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 24/10 - S.8/11/2026<br>2/11 - 4/11/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15 | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 6                                                             | XD03353     | Nghị quyết công tác đảng viên                                  | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | C.8/11 - 28/11/2026<br>16/11 - 18/11/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Học ghép<br>Tự học |
| 7                                                             | XD03346     | Xử lý tình huống trong xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước   | 3       | 52.5<br>11.25 | XĐĐ     | 29/11 - 19/12/2026<br>7/12 - 10/12/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.401    | Tự học             |
| <b>Chính trị phát triển K45B(3SV) + 45B2(01SV)</b>            |             |                                                                |         |               |         |                                           |                |                   |           |                    |
| <b>Bố trí sinh viên học ghép với các lớp chính quy</b>        |             |                                                                |         |               |         |                                           |                |                   |           |                    |

| TT                                      | Mã học phần | Lớp - Học phần                       | Tín<br>chỉ | Số tiết     | Khoa GD | Thời gian học                           | Thứ            | Tiết              | Phòng<br>học | Ghi chú            |
|-----------------------------------------|-------------|--------------------------------------|------------|-------------|---------|-----------------------------------------|----------------|-------------------|--------------|--------------------|
| <b>8. Mạng điện tử K45B</b>             |             |                                      |            |             |         |                                         |                |                   |              |                    |
| 1                                       | PT03908     | Tác phẩm báo mạng điện tử            | 3          | 68<br>11.25 | VBC-TT  | 1/8 - 22/8/2026<br>3/8 - 5/8/2026       | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 2                                       | PT03851     | Âm thanh và hình ảnh cho BMĐT        | 3          | 68<br>11.25 | VBC-TT  | 23/8 - 20/9/2026<br>7/9 - 9/9/2026      | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 3                                       | PT03855     | Báo chí di động                      | 3          | 68<br>11.25 | VBC-TT  | 26/9 - 17/10/2026<br>12/10 - 14/10/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 4                                       | BC04872     | Báo chí - truyền thông dữ liệu       | 3          | 60<br>22.5  | VBC-TT  | 18/10 - 7/11/2026<br>2/11 - 6/11/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 5                                       | PT03873     | Các chương trình tương tác trên BMĐT | 3          | 60<br>11.25 | VBC-TT  | 8/11 - 28/11/2026<br>9/11 - 11/11/2026  | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 6                                       | PT03914     | Kỹ thuật công nghệ truyền thông số   | 4          | 75<br>22.5  | VBC-TT  | 29/11 - 26/12/2026<br>7/12 - 11/12/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15 | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| <b>9. Báo mạng điện tử K45B2 (7 SV)</b> |             |                                      |            |             |         |                                         |                |                   |              |                    |
| 1                                       | PT03908     | Tác phẩm báo mạng điện tử            | 3          | 68<br>11.25 | VBC-TT  | 1/8 - 22/8/2026<br>3/8 - 5/8/2026       | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 2                                       | PT03851     | Âm thanh và hình ảnh cho BMĐT        | 3          | 68<br>11.25 | VBC-TT  | 23/8 - 20/9/2026<br>7/9 - 9/9/2026      | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 3                                       | PT03855     | Báo chí di động                      | 3          | 68<br>11.25 | VBC-TT  | 26/9 - 17/10/2026<br>12/10 - 14/10/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 4                                       | BC04872     | Báo chí - truyền thông dữ liệu       | 3          | 60<br>22.5  | VBC-TT  | 18/10 - 7/11/2026<br>2/11 - 6/11/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |
| 5                                       | PT03873     | Các chương trình tương tác trên BMĐT | 3          | 60<br>11.25 | VBC-TT  | 8/11 - 28/11/2026<br>9/11 - 11/11/2026  | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.402       | Học ghép<br>Tự học |

| TT                                               | Mã học phần | Lớp - Học phần                                     | Tín chỉ | Số tiết       | Khoa GD | Thời gian học                               | Thứ            | Tiết              | Phòng học | Ghi chú            |
|--------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------|---------|---------------|---------|---------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------|--------------------|
| 6                                                | PT03914     | Kỹ thuật công nghệ truyền thông số                 | 4       | 75<br>22.5    | VBC-TT  | 29/11 - 26/12/2026<br>7/12 - 11/12/2026     | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15 | B1.402    | Học ghép<br>Tự học |
| <b>10. Truyền thông đa phương tiện K45B 9 SV</b> |             |                                                    |         |               |         |                                             |                |                   |           |                    |
| 1                                                | BC02604     | Viết cho truyền thông đa phương tiện               | 3       | 60<br>22.5    | VBC-TT  | 1/8 - 16/8/2026<br>3/8 - 7/8/2026           | 7, CN          | 1 - 10            | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| 2                                                | PT02602     | Sản xuất Video                                     | 3       | 82<br>0       | VBC-TT  | 22/8 - 5.26/9/2026                          | 7, CN<br>2-6   | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép           |
| 3                                                | PT03702     | Mega- story                                        | 3       | 60<br>22.5    | VBC-TT  | C.26/9 - 5.17/10/2026<br>5/10 - 9/10/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| 4                                                | BC02609     | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện | 5       | 90<br>45      | VBC-TT  | C.18/10 - 5.15/11/2026<br>2/11 - 12/11/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| 5                                                | PT03706     | Phim ngắn                                          | 3       | 67.5<br>11.25 | VBC-TT  | C.15/11 - 6/12/2026<br>23/11 - 25/11/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| 6                                                | BC02611     | Kinh doanh sản phẩm truyền thông                   | 3       | 52.5<br>22.5  | VBC-TT  | 12/12 - 5.27/12/2026<br>14/12 - 18/12/2026  | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| <b>11. Truyền thông đa phương tiện K46B 8 SV</b> |             |                                                    |         |               |         |                                             |                |                   |           |                    |
| 1                                                | BC02604     | Viết cho truyền thông đa phương tiện               | 3       | 60<br>22.5    | VBC-TT  | 1/8 - 16/8/2026<br>3/8 - 7/8/2026           | 7, CN          | 1 - 10            | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| 2                                                | PT02602     | Sản xuất Video                                     | 3       | 82<br>0       | VBC-TT  | 22/8 - 5.26/9/2026                          | 7, CN<br>2-6   | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép           |
| 3                                                | PT03702     | Mega- story                                        | 3       | 60<br>22.5    | VBC-TT  | C.26/9 - 5.17/10/2026<br>5/10 - 9/10/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| 4                                                | BC02609     | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện | 5       | 90<br>45      | VBC-TT  | C.18/10 - 5.15/11/2026<br>2/11 - 12/11/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |
| 5                                                | PT03706     | Phim ngắn                                          | 3       | 67.5<br>11.25 | VBC-TT  | C.15/11 - 6/12/2026<br>23/11 - 25/11/2026   | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5   | B1.403    | Học ghép<br>Tự học |

| TT                             | Mã học phần | Lớp - Học phần                   | Tín chỉ | Số tiết      | Khoa GD | Thời gian học                                                | Thứ                     | Tiết                       | Phòng học          | Ghi chú             |
|--------------------------------|-------------|----------------------------------|---------|--------------|---------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------|---------------------|
| 6                              | BC02611     | Kinh doanh sản phẩm truyền thông | 3       | 52.5<br>22.5 | VBC-TT  | 12/12 - S.27/12/2026<br>14/12 - 18/12/2026                   | 7, CN<br>2 - 6          | 1 - 10<br>1 - 5            | B1.403             | Học ghép<br>Tự học  |
| <b>12. Báo Truyền hình K45</b> |             |                                  |         |              |         |                                                              |                         |                            |                    |                     |
| 1                              | NN01016     | Tiếng Anh học phần 2             | 4       | 75<br>22.5   | NN      | 7/8 - 21/8/2026<br>1/8 - 16/8/2026<br>10/8 - 14/8/2026       | thứ 6<br>7, CN<br>2 - 6 | 11 - 15<br>1 - 10<br>1 - 5 | B1.404             | Tự học              |
| 2                              | PT02306     | Pháp luật và đạo đức BCTT        | 3       | 60<br>11.25  | VBC-TT  | 22/8 - 12/9/2026<br>28/8 - 4/9/2026<br>7/9 - 10/9/2026       | 7, CN<br>thứ 6<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15<br>1 - 5 | B1.404             | Tự học              |
| 3                              | XB02626     | Nghiệp vụ biên tập BCTT          | 2       | 45<br>22.5   | XB      | 11/9 - 25/9/2026<br>13/9 - 20/9/2026<br>14/9 - 18/9/2026     | thứ 6<br>7, CN<br>2 - 6 | 1 - 5<br>1 - 10<br>1 - 5   | B1.404             | Tự học              |
| 4                              | QQ02101     | Quan hệ công chúng và quảng cáo  | 3       | 65<br>22.5   | QHCC    | 26/9 - 10/10/2026<br>2/10 - 16/10/2026<br>5/10 - 9/10/2026   | 7, CN<br>thứ 6<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15<br>1 - 5 | B1.404             | Tự học              |
| 5                              | BC02801     | Lý thuyết truyền thông           | 3       | 52.5<br>22.5 | VBC-TT  | 11/10 - 25/10/2026<br>23/10/2026<br>12/10 - 16/10/2026       | 7, CN<br>thứ 6<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5<br>1 - 5   | B1.404             | Tự học              |
| 6                              | QT01001     | Quan hệ quốc tế                  | 2       | 30<br>22.5   | QHQT    | 31/10 - 1/11/2026<br>30/10 - 6/11/2026<br>26/10 - 30/10/2026 | 7, CN<br>Thứ 6<br>2 - 6 | 1 - 10<br>11 - 15<br>1 - 5 | B1.404             | Tự học              |
| 7                              | QA01016     | Công tác quốc phòng và an ninh   | 2       | 30           | KTĐC    | 7/11 - 14/11/2026                                            | 7, CN                   | 1 - 10                     | B1.404             | TN + TL             |
| 8                              | ĐC01015     | Lý luận và phương pháp GDTC      | 1       | 15           | KTĐC    | 15/11 - S.22/11/2026                                         | 7, CN                   | 1 - 10                     | B1.404             |                     |
| 9                              | QA01017     | Quân sự chung                    | 2       | 30<br>7.5    | KTĐC    | C.22/11 - S.5/12/2026<br>23/11 - 25/11/2026                  | 7, CN<br>thứ 6          | 1 - 10<br>11 - 15          | Thực địa<br>B1.404 | Thực hành<br>Tự học |
| 10                             | ĐC01016     | Kỹ thuật các môn điền kinh       | 1       | 30           | KTĐC    | C.5/12 - S.13/12/2026                                        | 7, CN                   | 1 - 10                     | Sân bãi            |                     |

| TT                                           | Mã học phần | Lớp - Học phần                          | Tín chỉ | Số tiết      | Khoa GD | Thời gian học                            | Thứ            | Tiết            | Phòng học | Ghi chú |
|----------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------|---------|--------------|---------|------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|---------|
| <b>13. Truyền thông Marketing K46B 12 SV</b> |             |                                         |         |              |         |                                          |                |                 |           |         |
| 1                                            | BC02801     | Lý thuyết truyền thông                  | 3       | 52.5<br>22.5 | VBC-TT  | 1/8 - 16/8/2026<br>3/8 - 7/8/2026        | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5 | B1.405    | Tự học  |
| 2                                            | QQ02101     | Quan hệ công chúng và quảng cáo         | 3       | 60<br>11     | QHCC    | 22/8 - 6/9/2026<br>7/9 - 9/9/2026        | 7, CN<br>1 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5 | B1.405    | Tự học  |
| 3                                            | QQ02701     | Thực tế chính trị - xã hội              | 2       | 60           | QHCC    | 7/9 - 11/9/2026                          | 2 - 6          | 1 - 10          | Thực địa  |         |
| 4                                            | QQ03466     | Tổ chức sự kiện                         | 3       | 60<br>11     | QHCC    | 12/9 - 27/9/2026<br>14/9 - 16/9/2026     | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5 | B1.405    | Tự học  |
| 5                                            | QQ02453     | Nhập môn marketing                      | 3       | 60<br>11     | QHCC    | 3/10 - 18/10/2026<br>5/10 - 7/10/2026    | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5 | B1.405    | Tự học  |
| 6                                            | QQ03230     | Hành vi khách hàng và quản trị bán hàng | 3       | 60<br>11     | QHCC    | 24/10 - 8/11/2026<br>26/10 - 28/10/2026  | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5 | B1.405    | Tự học  |
| 7                                            | QQ02607     | Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)    | 3       | 60<br>11     | QHCC    | 14/11 - 29/11/2026<br>17/11 - 19/11/2026 | 7, CN<br>2 - 6 | 1 - 10<br>1 - 5 | B1.405    | Tự học  |

- Lưu ý: Lịch học có thể áp dụng cho cả hai hình thức trực tiếp hoặc online (online không quá 30%)

- Thời gian lên lớp sáng từ 7h00, Buổi chiều từ 13h00, Buổi tối từ 17h45.

- Căn cứ lịch giảng dạy, học tập, các khoa lập Tiến độ giảng dạy học phần nộp về bộ phận Đại học, Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng trước ngày 20/7/2026

- Thông tin về lịch giảng dạy, học tập các lớp VLVH, đăng ký học lại, học cải thiện điểm tại Bộ phận Đại học (đ/c. Ngô Đức Phương 0912.666.589)

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị,
- Website Học viện,
- Lưu ĐT.

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2026

**T/L GIÁM ĐỐC**  
TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG



**Trần Văn Thư**